

Số: **08** /BC-CCTTBVTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **08** tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình sinh vật gây hại cây trồng

(Từ ngày 27 tháng 12 năm 2022 đến ngày 03 tháng 01 năm 2023)

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ CÂY TRỒNG

1. Thời tiết

Thời tiết trong tuần: Có mây, ngày nắng, chiều tối và đêm có mưa vài nơi. Gió đông bắc cấp 2-3. Nhiệt độ thấp nhất từ: 21°C - 24°C. Nhiệt độ cao nhất từ : 29°C - 32°C, có nơi trên 32°C.

Dự báo tuần tới: Có mưa rào rải rác và có nơi có dông, cục bộ có mưa to. Trong mưa dông có khả năng xảy ra lốc, sét và gió giật mạnh.

2. Cây trồng và giai đoạn sinh trưởng

a) Cây lúa

Vụ Mùa 2022		Vụ Đông xuân 2022 - 2023	
Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích (ha)
Mạ	-	Mạ	457
Đẻ nhánh	-	Đẻ nhánh	2.533
Làm đồng	30	Làm đồng	705
Trổ	61,5	Trổ	-
Chín	707,5	Chín	-
Thu hoạch	3.978,0	Thu hoạch	-
Tổng	4.777	Tổng	3.695

b) Cây trồng khác

Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)	Nhóm/loại cây	Giai đoạn sinh trưởng	DTGT (ha)
1. Cây rau Đông xuân 2022-2023		3.716,8	2. Hoa, cây kiểng	Nhiều giai đoạn	2.325
- RALNN	Nhiều giai đoạn	1.019,7	Hoa lan	Nhiều giai đoạn	340
- RALDN	-	-	Hoa mai	Nhiều giai đoạn	765
- RCQNN	Nhiều giai đoạn	253,7	3. Cây lương thực	Nhiều giai đoạn	215,4
- RCQDN	Nhiều giai đoạn	216,8	Bắp	Sinh trưởng	148,0
- Rau gia vị	Nhiều giai đoạn	178,8	Khoai mì	Sinh trưởng	65,4
- Rau thủy sinh	Nhiều giai đoạn	140,8	4. Cây công nghiệp	Nhiều giai đoạn	1.162,1
- RMN	Nhiều giai đoạn	1.249,2	5. Cây ăn trái	Nhiều giai đoạn	5.600

Ghi chú: DTGT: Diện tích gieo trồng; RALNN: Rau ăn lá ngắn ngày; RALDN: Rau ăn lá dài ngày; RCQNN: Rau củ quả ngắn ngày; RCQDN: Rau củ quả dài ngày; RMN: Rau muống nước;

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Số liệu theo dõi côn trùng vào bẫy đèn rầy nâu trên lúa (con/bẫy/đêm)

TT	HUYỆN	XÃ	Ngày vào đèn							
			26/12	27/12	28/12	29/12	30/12	31/12	01/01	02/01
1	Củ Chi	Thái Mỹ	48	36	35	28	24	16	18	15
		Trung Lập Thượng	72	60	56	64	68	72	64	52

III. TÌNH HÌNH SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU

1. Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu

a) Trên cây lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sâu cuốn lá	1-5			1-5	CC, HM
2	Bọ trĩ	3-5			1-5	CC, HM
3	Sâu phao	1-5			1-5	CC, HM
4	OBV	3-10			Các giai đoạn	CC, HM
5	Chuột	3			Các giai đoạn	CC
6	Đào ôn	3-10			1-3	CC, HM
7	Đom vằn	3-5			1-3	CC

b) Mật độ, tỷ lệ sinh vật gây hại chủ yếu trên cây rau

TT	Tên SVGH	Mật độ sâu (c/m ²), tỷ lệ bệnh (%)			Tuổi sâu, cấp bệnh phổ biến	Phân bố
		Phổ biến	Cao	Cục bộ		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Bọ nhảy	2-120			1-5	HM, Q12, BC, BT
2	Sâu xanh	1-10			1-5	HM, Q12, CC, BC, BT
3	Sâu tơ	3-12			1-5	TĐ, HM, Q12, BC, BT
4	Dòi đục lá	2-6			1-5	HM, CC
5	Sâu đục trái	2-4			1-5	BC
6	Sâu ăn tạp	2-100			1-5	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
7	Bọ trĩ	1-10			1-5	CC, BC
8	Rầy mềm	1-900			1-5	BC, BT
9	Rầy xanh	3-7			1-5	HM, BC, CC
10	Rầy xám	100->500			1-5	TĐ, HM, Q12
11	Sâu đục đọt	5-10			1-5	BC
12	Bọ xít đen	5-10			1-5	TĐ
13	Ruồi đục trái	3-5			1-5	BC
14	OBV	3-30			Các giai đoạn	TĐ, HM, Q12
15	Cào cào	1-10			1-5	TĐ
16	Ốc sên	2-5			Các giai đoạn	Q12, BC
17	Tnhũn/r.cải	1-10			1-3	HM, Q12, BC
18	Rỉ trắng/RM	2-10			1-3	TĐ, HM, Q12, CC, BC, BT
19	Đom lá	2-5			1-3	BC, HM, Q12
20	Ph.vàng/dưa leo, khô qua	5-7			1-3	HM
21	Vàng lá	2-10			1-3	TĐ, HM

2. Nhận xét tình hình sinh vật gây hại trong kỳ

a) Trên lúa vụ Đông xuân 2022 - 2023

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên lúa là 840,3 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (824 ha). Các sinh vật hại trên lúa hiện nay chủ yếu gồm có: Sâu cuốn lá, bọ trĩ, sâu phao, ốc brou vàng, chuột, bệnh đạo ôn, đốm vằn. Các sinh vật hại đều ở mức nhiễm nhẹ.

- Sâu cuốn lá: gây hại trên 35 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (16,4 ha).
- Bọ trĩ: gây hại trên 30,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (111,8 ha).
- Sâu phao: gây hại trên 109,7 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (79,8 ha).
- Ốc brou vàng: gây hại trên 498 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (490 ha).
- Chuột: gây hại trên 103 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (85 ha).
- Bệnh đạo ôn: gây hại trên 37,1 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (17 ha).
- Bệnh đốm vằn: gây hại trên 27 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (14 ha).

b) Trên cây rau

Tổng diện tích nhiễm sinh vật hại trên rau trong tuần qua là 540,2 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (622,3 ha), trong đó diện tích phòng trừ là 340 lượt ha chiếm 62,9% diện tích nhiễm sinh vật hại. Các sinh vật hại chủ yếu là sâu ăn tạp, sâu xanh, bọ nhảy, rầy xám, bệnh rỉ trắng và ốc brou vàng. Các sinh vật hại đều có mật số và tỉ lệ bệnh ở mức nhẹ.

- Sâu ăn tạp: gây hại trên 100 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (121 ha).
- Sâu xanh: gây hại trên 50,8 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (56,3 ha).
- Bọ nhảy: gây hại trên 25,5 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (19,8 ha).
- Rầy xám: gây hại trên 30,4 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (51,7 ha).
- OBV: gây hại trên 208,1 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (218,6 ha).
- Bệnh rỉ trắng: gây hại 31,5 ha, thấp hơn so với cùng kỳ năm trước (48 ha).
- Bệnh thối nhũn: gây hại 12,2 ha, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (10,8 ha).

c) Trên cây trồng khác

Cây khoai mì: Tổng diện tích trồng khoai mì bị nhiễm bệnh khảm lá là 0,5 ha, chiếm 0,76% diện tích gieo trồng (65,4 ha). Bệnh gây hại chủ yếu ở mức độ nhẹ dưới 30% và gây hại chủ yếu trên các giống khoai mì KM505 (0,5 ha).

Cây dừa: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu đầu đen (*Opisina arenosella*) gây hại trên cây dừa.

Cây bắp: Chưa ghi nhận diện tích bị sâu keo mùa thu (*Spodoptera frugiperda*) gây hại trên cây bắp.

IV. DỰ BÁO SINH VẬT GÂY HẠI VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP CHỈ ĐẠO PHÒNG TRỪ

1. Dự báo sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

a) Trên cây lúa

- *Rầy nâu*: Dự kiến tuần tới rầy nâu sẽ phổ biến giai đoạn tuổi 2 – tuổi 4 với mật số rầy thấp. Chú ý thăm đồng, theo dõi sát diễn biến của rầy trên đồng. Khi thấy rầy tuổi 2-3 xuất hiện với mật số cao (>3 con/tép) có thể sử dụng một trong những loại thuốc chống lột xác nằm trong danh mục thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam để phun trừ. Chú ý không phun phòng rầy, đặc biệt là trên những trà lúa <40 NSS để bảo vệ thiên địch trên đồng, tránh dịch hại bùng phát ở giai đoạn sau.

- *Ốc bươu vàng*: gây hại trên trà lúa giai đoạn mạ - đầu đẻ nhánh.

- *Chuột*: Cần chú ý chuột hại trên các trà lúa đang ở giai đoạn đòng - trổ chín.

- *Các loại bệnh hại*: Thời tiết duy trì kiểu đêm và sáng sớm trời se lạnh, ban ngày âm u, ẩm độ cao sẽ là điều kiện cho bệnh hại phát sinh, phát triển trên đồng. Chú ý bệnh đạo ôn lá, bạc lá vi khuẩn đang có chiều hướng phát triển trên trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - đòng.

- Các đối tượng khác xuất hiện và gây hại với tỷ lệ và mật số không cao.

b) Trên cây rau

- *Rau ăn lá*: cần chú ý các loài sâu hại sẽ có xu hướng phát sinh phát triển mạnh như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rầy xám. Ngoài ra cần chú ý phòng trị một số bệnh như thối nhũn, sương mai, gỉ trắng trên cây rau muống.

- *Rau ăn quả*: lưu ý các sinh vật hại phổ biến như sâu ăn tạp, sâu xanh, dòi đục lá, rầy mềm, bệnh thán thư, đốm lá.

c) Cây hoa kiểng

- *Hoa lan*: bệnh thán thư, thối thân, vàng lá, đốm lá và một số côn trùng gây hại như nhện đỏ, muỗi đục nụ, ốc sên.

- *Hoa mai*: sâu ăn lá, rầy xanh, bọ trĩ, bệnh nấm hồng.

d) Các loại cây trồng khác

- *Cây cao su*: Tăng cường công tác điều tra phát hiện bệnh rụng lá đốm tròn trên cây cao su do nấm *Pestalotiopsis* sp. gây ra theo hướng dẫn của Cục Bảo vệ thực vật tại Công văn số 2155/BVTV-TV ngày 19 tháng 11 năm 2021 về việc tổ chức điều tra diễn biến bệnh rụng lá đốm tròn trên vườn cây cao su và đề xuất biện pháp phòng chống kịp thời.

- *Cây sắn (khoai mì)*: Cần theo dõi bệnh khảm lá virus đối với diện tích xuống giống mới. Lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại như: nhện đỏ, bọ phấn trắng, rệp sáp bột hồng, rệp sáp... gây hại trên sắn giai đoạn phát triển thân lá - phát triển củ - thu hoạch.

- *Cây ngô (bắp)*: Một số địa phương đã xuống giống vụ mới cần lưu ý sâu keo mùa thu... trên bắp ở giai đoạn 5 lá - xoáy nõn - trỗ cờ. Ngoài ra, lưu ý các đối tượng sinh vật gây hại khác như sâu xám, bệnh đốm lá, chuột,...

- *Cây ăn quả có múi*: Bệnh ghẻ sọc, bệnh loét, bệnh Greening, bệnh vàng lá thối rữa, bệnh thán thư, bệnh thối nâu quả, nhện, ngài đục quả, ruồi đục quả,... Đặc biệt trên những diện tích cây ăn quả có múi vào thời kỳ chín các đối tượng như bệnh vàng lá thối rữa, bệnh thán thư, bệnh thối nâu, ngài đục quả, ruồi đục quả.

- *Cây dứa*: bọ cánh cứng, bọ vòi voi, sâu đầu đen.

- *Cây xoài*: sâu đục thân cành, bệnh thán thư.

2. Đề xuất biện pháp chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại chủ yếu trong kỳ tới

- Thực hiện Thông báo số 6745/TB-BNN-VP ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết luận của Thứ trưởng Lê Quốc Doanh tại Hội nghị sơ kết sản xuất vụ Thu Đông, vụ Mùa 2022; triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2022 - 2023 tại các tỉnh, thành phố Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Theo đó, các địa phương cần cập nhật thường xuyên diễn biến thời tiết, khí tượng, thủy văn, xây dựng kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2022-2023 phù hợp với nguồn nước, tránh thiệt hại cuối vụ do hạn hán, xâm nhập mặn; giảm lượng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật, giảm lượng giống gieo sạ và đẩy mạnh áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất; đẩy mạnh chuyển đổi hiệu quả cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ.

- Thường xuyên cử cán bộ kỹ thuật theo dõi, bám sát đồng ruộng, điều tra nắm bắt kịp thời tình hình sinh vật hại để phòng trị kịp thời, tránh sâu hại lây lan và gây hại trên diện rộng, ảnh hưởng đến năng suất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô, áp dụng Quy trình kỹ thuật phòng, chống sâu keo mùa thu do Bộ NN&PTNT ban hành trong công văn số 218/QĐ-BNN-BVTV ngày 16/01/2020.

- Trên nhóm cây có múi áp dụng các biện pháp quản lý trong quy trình phòng trừ bệnh greening và sâu đục trái cây có múi đã được ban hành. Khuyến cáo áp dụng biện pháp bao trái để phòng ngừa sâu đục trái gây hại./. *Tran*

Nơi nhận:

- Trung tâm BVTV Phía Nam;
- Sở NN và PTNT (phòng KHCN);
- UBND TP. Thủ Đức;
- UBND huyện: CC, HM, BC, NB, CG;
- UBND Quận: 7, 12, Bình Tân;
- Chi cục TTBVTV các tỉnh phía Nam;
- Hội Nông dân Thành phố;
- Trung tâm Khuyến nông;
- Ban lãnh đạo Chi Cục;
- Phòng: BVTV, TT;
- Trạm TTBVTV;
- Lưu: VT, BVTV.ĐTH (02).

**KT. CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**



Trương Công Lực



Phụ lục I

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SVGH CHỦ YẾU TRÊN CÂY LÚA

(Kèm theo Báo cáo số: **09** /BC-CCTTBVTV, ngày **04** tháng **01** năm 2022 của Chi cục TTBVTV)

1. Vụ Đông xuân 2022 - 2023

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiệm (ha)			Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng	MT		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Sâu cuốn lá	35,0			35,0	19,4	16,4		CC, HM
2	Bọ trĩ	30,5			30,5	83	111,8		CC, HM
3	Sâu phao	109,7			109,7	104,6	79,8		CC, HM
4	OBV	37,1			37,1	11,4	17		CC, HM
5	Chuột	27,0			27,0	9	14		CC
6	Đạo ôn	498,0			498,0	356	490		CC, HM
7	Đốm vằn	103,0			103,0	104	85		CC
	Tổng	840,3			840,3	703,4	824,0		

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT

Phụ lục II

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH NHIỆM SINH VẬT GÂY HẠI CHỦ YẾU TRÊN CÂY RAU

(Kèm theo Báo cáo số: **08** /BC-CCTTBVTV, ngày **04** tháng **01** năm 2022 của Chi cục TTBVTV)

STT	Tên SVGH	Diện tích nhiễm (ha)		Tổng DTN (ha)	So sánh DTN (+/-)		DT phòng trừ (ha)	Phân bố
		Nhẹ-Tb	Nặng		Kỳ trước	CKNT		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Bọ nhảy	25,5			25,5	25,1	19,8	16,0
2	Sâu xanh	50,8			50,8	52,2	56,3	34,2
3	Sâu tơ	15,3			15,3	16,1	14,2	8,4
4	Dòi đục lá	11,4			11,4	11,4	8,6	6,2
5	Sâu đục trái	1,7			1,7	1,7	1,6	1,7
6	Sâu ăn tạp	100,0			100,0	102,6	121,0	62,5
7	Bọ trĩ	12,8			12,8	12,8	17,0	6,8
8	Rầy mềm	1,1			1,1	1,1	1,5	1,0
9	Rầy xanh	12,9			12,9	12,7	20,1	7,1
10	Rầy xám	30,4			30,4	27,3	51,7	13,5
11	Sâu đục đọt	1,5			1,5	1,1	1,5	1,1
12	Ruồi đục trái	7,3			7,3	4,3	6,7	7,3
13	OBV	208,1			208,1	208,5	218,6	136,7
14	Cào cào	0,1			0,1			
15	Ốc sên	0,60			0,60	0,60	0,5	0,5
16	Trich/r.cài	12,2			12,2	12,2	10,8	7,4
17	Rỉ trắng/RM	31,5			31,5	32,6	48,0	19,8
18	Đom lá	8,7			8,7	9,3	13,0	5,3
19	Ph.vàng/dưa leo, khổ qua	1,9			1,9	1,8	3,0	1,1
20	Vàng lá	6,4			6,4	6,6	2,3	3,4
	Tổng	540,2			540,2	544,0	622,3	340,0

CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT